QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 18 /2020/TB-SSIAM-NVQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2020
Hanoi, 09 January 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ *Securities symbol:* FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **08/01/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
  Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Componet Securities and Cash Component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	*Securities symbol*	*Volume*	*Weight*
I	**Chứng khoán/Stock**		
1	ACB	2,200	3.9%
2	BVH	100	0.5%
3	CII	300	0.6%
4	CTD	50	0.2%
5	CTG	430	0.7%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	560	0.6%
8	EIB	1,520	2.1%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	790	3.6%
11	GAS	130	1.0%
12	GEX	590	0.9%
13	GMD	360	0.6%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.3%
16	HDB	1,000	2.1%
17	HPG	2,410	4.5%
18	HSG	370	0.2%

19	KBC	510	0.6%
20	MBB	1,990	3.3%
21	MSN	680	3.1%
22	MWG	410	3.8%
23	NLG	190	0.4%
24	NVL	540	2.4%
25	PDR	180	0.3%
26	PLX	150	0.7%
27	PNJ	250	1.7%
28	POW	680	0.6%
29	PVD	290	0.4%
30	PVS	300	0.4%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	330	0.4%
33	SAB	100	1.8%
34	SBT	410	0.6%
35	SHB	1,400	0.7%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,620	2.1%
38	TCB	3,300	6.1%
39	TCH	280	0.8%
40	TPB	720	1.2%
41	VCB	430	3.0%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.5%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,210	8.0%
46	VIC	1,120	10.2%
47	VJC	380	4.4%
48	VNM	990	9.3%
49	VPB	2,450	3.9%
50	VRE	1,520	4.1%
II	**Tiền/Cash (VND)**	**11,111,929**	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Basket in value* 1,251,738,300 VND

+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value of an ETF Creation Unit* 1,262,850,229 VND

+ Giá trị chênh lệch/ *Cash Component* 11,111,929 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	67,500	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC*
2	SSI	18,250	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch *Treasury stock not yet registered for trading*
3	VCB	87,800	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC *Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC*
4	ACB	22,500	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
5	FPT	58,100	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
6	GMD	21,750	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
7	MBB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
8	MWG	115,600	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
9	NLG	26,500	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
10	PNJ	86,900	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

11	REE	36,650	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
12	TCB	23,200	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
13	TPB	21,200	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
14	VPB	20,350	Nhà đầu tư nước ngoài / *Foreign Investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

Các chỉ tiêu khác/*Other criteria*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 08/01/2020	Kỳ trước/Last Period 07/01/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	0	0	0
Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued shares*	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ *Close price*	12,500	12,650	-150
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net Asset Value at Valuation Date*			
của quỹ ETF/ of the Fund	179,324,732,623	178,642,334,796	682,397,827
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,262,850,229	1,258,044,611	4,805,618
của 1 CCQ/ per Share	12,628.50	12,580.44	48.06
Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	1,410.94	1,429.97	-19.03

Đại diện tổ chức
Organization representative

S.G.P: 19 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC